

Số: /KH-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được; Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng khối ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp năm học 2025 -2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Các Thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định khung năng lực số; Công văn số 2957/BDGĐT- GDĐH ngày 11/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v triển khai Khung năng lực số tại các cơ sở đào tạo;
- Kế hoạch số 159/KH-CĐSL ngày 12/6/2025 của trường Cao đẳng Sơn La; Kế hoạch số 188/KH-CĐSL ngày 09/7/2025 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 159/KH-CĐSL ngày 12/6/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

- Kế hoạch số 161/KH-CĐSL ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về kế hoạch năm học 2025-2026; Kế hoạch số 171/KH-CĐSL ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về kế hoạch tổ chức đào tạo năm học 2025-2026;

- Hướng dẫn số 43/HD-CĐSL ngày 29/7/2025 của Trường Cao đẳng Sơn La Về việc rà soát, xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng trong Giáo dục nghề nghiệp, năm học 2025 -2026;

- Thông báo số 251/TB-CĐSL ngày 30/07/2025 của Trường Cao đẳng Sơn La về Triển khai Kế hoạch xanh hóa nhà trường giai đoạn 2023 -2025 6 tháng cuối năm 2025;

- TTQT kiểm soát vòng đời chương trình đào tạo và cập nhật tài liệu giảng dạy; TTQT xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình ban hành theo hệ thống quản lý chất lượng QMS ISO 9001:2015 của trường Cao đẳng Sơn La.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 (sửa đổi Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH); Thông tư số 02/2025/TT-BGDDT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Xây dựng chương trình đào tạo theo module, đáp ứng mối liên hệ giữa dạy nghề - khởi nghiệp – việc làm; đáp ứng, cập nhật những ứng dụng và tiến bộ mới của khoa học kỹ thuật và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; Cập nhật kỹ năng số, kỹ năng xanh, chuyển đổi số, kỹ năng khởi nghiệp vào các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo;

- Chương trình đào tạo nhóm ngành, nghề GDNN nghiên cứu, tham khảo để triển khai xây dựng chuẩn CTĐT, xây dựng tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn để phát triển năng lực số cho người học nhằm nâng cao năng lực sử dụng và ứng dụng công nghệ số trong học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn của người học theo TT 02/2025/TT-BGDDT.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính khoa học, logic, hệ thống, thực tiễn, phù hợp và linh hoạt; thích ứng được với sự đa dạng trong phương thức tổ chức đào tạo. Nội dung chuyên môn phải đáp ứng được những năng lực chính, cốt lõi của nghề nghiệp; những năng lực bổ trợ, tự chọn và nâng cao để người học lựa chọn phù hợp nhu cầu của bản thân;

- Nội dung chương trình đào tạo phải đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và cả nước. Các môn học chuyên ngành được thiết kế theo hướng thực hành/mô đun;

- Công tác chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo cần thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Khối lượng kiến thức tối thiểu của mỗi CTĐT cần tuân thủ quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017, Thông tư số 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của một số ngành, nghề Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành;

- 100% chương trình đào tạo được chuẩn hóa, cập nhật công nghệ mới;

- 100% Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được bổ sung nội dung về kỹ năng số, kỹ năng xanh;

- 100% Chương trình cao đẳng bổ sung nội dung rèn luyện thực tế tại doanh nghiệp;

- Các chương trình trọng điểm được nghiên cứu đối sánh với các tiêu chuẩn các nước ASEAN-4 và 100% các chương trình trọng điểm được hiệu chỉnh dựa trên tiêu chuẩn các nước ASEAN-4;

- Chương trình đào tạo có cập nhật các thông tin, hoạt động đào tạo liên quan đến phát triển bền vững, phát triển xanh trong từng ngành nghề; Các môn học/mô đun, công nghệ, quy trình kỹ thuật xanh lồng ghép vào các chương trình đào tạo; Bổ sung mô-đun mới về công nghệ/quy trình xanh vào chương trình hiện có; Chương trình đào tạo cho phép thực hành trên các thiết bị mới sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng điện hybrid, ... giảm phát thải khí nhà kính;

- Đảm bảo tích hợp năng lực số của người học vào chương trình đào tạo. Cụ thể: Rà soát, đối chiếu năng lực số của người học với chương trình môn Tin học nhằm đáp ứng năng lực cơ bản của người học; Nghiên cứu, bổ sung các năng lực còn thiếu vào các môn học/mô đun chuyên ngành. Từ đó, tích hợp năng lực số của người học vào chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn Tin học, các môn học/mô đun chuyên ngành;

- Đảm bảo theo TTQT xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, chương trình ban hành theo hệ thống quản lý chất lượng QMS ISO 9001:2015 của trường Cao đẳng Sơn La.

III. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Ngành/ngành chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung¹

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Khoa quản lý ngành
1.	Văn thư hành chính	6320301	Cao đẳng	Khoa Luật – Nội vụ
2.		5320301	Trung cấp	
3.	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng	
4.		5760101	Trung cấp	
5.	Quản lý văn hóa	6340436	Cao đẳng	Khoa Văn hóa – Nghệ thuật & Du lịch
6.	Hướng dẫn du lịch	6810103	Cao đẳng	
7.		5810103	Trung cấp	
8.	Quản trị Khách Sạn	6810201	Cao đẳng	
9.		5810201	Trung cấp	
10.	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng	Khoa Kỹ thuật – Kinh tế
11.	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp	
12.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Cao đẳng	
13.		5510303	Trung cấp	
14.	Điện – Nước	5580212	Trung cấp	
15.	Bảo vệ môi trường đô thị	6850104	Cao đẳng	
16.		5850104	Trung cấp	
17.	Nghiệp vụ bán hàng	5340119	Trung cấp	
18.	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	
19.		5340302	Trung cấp	
20.	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng	

¹ Riêng đối với nhóm ngành, nghề trình độ trung cấp Quản lý văn hóa; nhóm ngành, nghề Nghệ thuật và Pháp luật được ban hành theo Quyết định số 769/QĐ-CĐSL ngày 30/8/2024; Cao đẳng Hướng dẫn du lịch Chất lượng cao thực hiện nội dung đảm bảo tích hợp năng lực số của người học vào chương trình đào tạo; rà soát CDR, chương trình đào tạo đảm bảo chuẩn hóa, cập nhật công nghệ mới và bổ sung nội dung về kỹ năng số, kỹ năng xanh. Hạn hoàn thành **trước 20/4/2026**.

	(Chất lượng cao)			
21.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	Trung cấp	Khoa Nông Lâm
22.	Chăn nuôi - Thú y	6620120	Cao đẳng	
23.		5620120	Trung cấp	
24.	Lâm sinh	6620202	Cao đẳng	
25.		5620202	Trung cấp	
26.	Quản lý đất đai	6850102	Cao đẳng	
27.		5850102	Trung cấp	
28.	Trồng trọt	5620110	Trung cấp	

3. Quy trình chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo.

- Thực hiện theo yêu cầu tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 19/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- TTQT theo hệ thống quản lý chất lượng QMS ISO 9001:2015 của trường Cao đẳng Sơn La.

4. Khung thời gian thực hiện (Phụ lục kèm theo)

5. Chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo

5.1. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo kết hợp mô đun, môn học

+ Các môn chung không tiến hành điều chỉnh (trừ môn Tin học tích hợp năng lực số của người học). Khối lượng kiến thức các môn chung là một thành phần của chương trình đào tạo và thực hiện theo văn bản của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

+ Các môn lý thuyết chuyên môn và thực hành được tích hợp thành các mô đun (mô đun kỹ năng);

- Phải đảm bảo tích hợp năng lực số, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng khởi nghiệp và một số kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết tình huống,...) vào các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo mỗi ngành/ngành

Ngoài các môn học chung bắt buộc theo quy định của Bộ LĐTBXH (Giáo dục chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN, Tiếng Anh, Tin học), người

học cần hoàn thành các môn học, mô đun cơ sở, các môn học, mô đun chuyên môn và môn học, mô - đun tự chọn, nâng cao để đạt năng lực, kiến thức và kỹ năng nghề trình độ trung cấp.

5.3. Hướng dẫn thực hiện : Hướng dẫn số 43/HD-CĐSL ngày 29/7/2025 của Trường Cao đẳng Sơn La Về việc rà soát, xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra trình độ trung cấp, cao đẳng trong Giáo dục nghề nghiệp, năm học 2025 -2026

6. Cập nhật, bổ sung giáo trình tài liệu

Căn cứ danh mục giáo trình tài liệu đã được ban hành các khoa đề xuất danh mục giáo trình, tài liệu để phục vụ giảng dạy (*sẽ có Kế hoạch sửa đổi, bổ sung giáo trình, tài liệu kèm theo Chương trình sau khi hoàn thành Chương trình*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Đào tạo

- Tham mưu xây dựng kế hoạch chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo.

- Hướng dẫn các khoa hoàn thiện các nội dung theo phân công tại mục III; Tổng hợp báo cáo từ các khoa.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Hướng dẫn phòng Đào tạo, các khoa lập hồ sơ thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Phòng Hành chính – Quản trị

- Phối hợp với các khoa trong việc cung cấp, sổ tài sản, công cụ, dụng cụ để các khoa xác định danh mục trang thiết bị tối thiểu của từng ngành/ngành đào tạo để đảm bảo chất lượng dạy học của từng ngành/ngành.

4. Trung tâm Thông tin – Thư viện

- Phối hợp với các khoa trong việc rà soát, đề xuất bổ sung danh mục giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo.

5. Các khoa

- Thực hiện theo TTQT: QT/8.5.1A/P.ĐTAO và QT/8.5.1B/P.ĐTAO của phòng Đào tạo; Thực hiện các nội dung kèm theo kế hoạch này. Hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin – Thư viện trong việc rà soát, đề xuất việc cập nhật, bổ sung giáo trình tài liệu.

- Đề xuất ban chủ nhiệm thực hiện việc chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung CTĐT đảm bảo kế hoạch và chất lượng.

- Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về chương trình đào tạo.

- Hồ sơ gửi về phòng Đào tạo gồm:

- + Đề xuất danh sách giảng viên, CBQL tham gia xây dựng CTĐT (*Mẫu 01*) trước ngày 25/8/2025 (*đ/c Nguyễn Thị Hà – GV. Phòng Đào tạo*)

+ Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ; Chuẩn đầu ra môn học/mô đun ; Bảng tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) và khung trình độ quốc gia (NQF), giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; Bảng đánh giá mức độ tương hợp (*Phụ lục 01A, 1B, bảng 1,2 3*);

+ Xác định CTĐT đáp ứng CDR ; Đáp ứng giữa các môn học/học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của các bài học (LLOs) và chuẩn đầu ra của môn học/học phần; Bảng danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo ; Bảng danh mục mối liên hệ giữa các môn học/mô đun đào tạo bắt buộc cho nghề với các nhiệm vụ và công việc (*Bảng 4,5,6,7,8*);

+ Bảng so sánh tính liên thông, bảng tổng hợp kỹ năng, phụ lục các điều kiện tổ chức thực hiện CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; Danh mục giáo trình tài liệu của từng ngành/ngành và các hồ sơ theo TTQT ISO xây dựng, thẩm định CDR, CTĐT, giáo trình của phòng Đào tạo;

+ Chương trình đào tạo (chương trình khung) (*Phụ lục 02A(2B), 2C*);

+ Chương trình chi tiết môn học, mô đun (*Phụ lục 03*);

+ Hồ sơ tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về CTĐT và hoàn thiện dự thảo CTĐT (Báo cáo trình bày tại Hội thảo, Kế hoạch, Giấy mời, biên bản, phiếu nhận xét của chuyên gia);

Lưu ý: Căn cứ khung thời gian thực hiện tại mục III các khoa nộp hồ sơ minh chứng về phòng Đào tạo theo từng thời điểm đối với mỗi nội dung công việc.

Trên đây là Kế hoạch chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được; Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng khối ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp năm học 2025 -2026 của Trường Cao đẳng Sơn La. Yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm nghiên cứu các văn bản hướng dẫn và nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ĐT (Hà).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Minh

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC

(kèm theo Kế hoạch số /KH-CDSL ngày tháng 8 năm 2025)

T T	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Minh chứng
1	Đề xuất danh sách giáo viên/giảng viên, CBQL sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT; Tham mưu Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT (Mẫu 01)	25/8/2025	Phòng Đào tạo	Khoa Luật – Nội vụ; Khoa Nông Lâm; Khoa Kỹ thuật – Kinh tế; Khoa Văn hóa – Nghệ thuật và Du lịch (viết tắt là các Khoa)	- Đề xuất danh sách; - Quyết định thành lập BCN
2	Khảo sát doanh nghiệp/Đơn vị sử dụng lao động	30/8/2025	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Phiếu khảo sát; - Báo cáo kết quả khảo sát
3	Hoàn thiện, sửa đổi, cập nhật, bổ sung Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp của các chương trình đào tạo (phụ lục 01A, phụ lục 01B)	15/10/2025	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Dự thảo KLKTTT&NLNG
4	Hoàn thiện danh mục công việc theo cấp trình độ đào tạo, mối liên hệ giữa các môn học, các điều kiện tổ chức thực hiện CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo	30/10/2025	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Danh mục công việc theo cấp trình độ đào tạo, Sơ đồ mối liên hệ giữa các môn học - Phụ lục các điều kiện tổ chức thực hiện CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Bảng 1,2,3 theo

T T	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Minh chứng
					phụ lục 01A(1B).
5	Sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng môn học, mô đun (<i>chương trình khung – Phụ lục 02A, 2B, 2C</i>)	30/11/2025	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Dự thảo CT khung (<i>Phụ lục 02A, 2B, 2C</i>) - Bảng 4,5,6,7,8 kèm theo phụ lục Phụ lục 02A, 2B, 2C.
6	Sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình chi tiết môn học, mô đun (<i>Phụ lục 03</i>)	20/02/2026	Các Khoa	Phòng Đào tạo	Dự thảo CT chi tiết
7	Tổ chức thẩm định cấp khoa	28/02/2026	Các Khoa	Phòng Đào tạo	- Biên bản thẩm định cấp khoa; Kế hoạch cấp khoa; Dự thảo KL KTTT-YCNLNH, CTĐT, CT chi tiết
8	Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, các giảng viên, các nhà khoa học, người sử dụng lao động về kết cấu và nội dung CTĐT (cấp trường)	15/03/2026	Các Khoa; Phòng Đào tạo	Phòng HC-QT	- Báo cáo trình bày tại Hội thảo; Dự thảo KL KTTT-YCNLNH, CTĐT. - Kế hoạch Hội thảo; Giấy mời; Biên bản Hội thảo; Phiếu nhận xét của chuyên gia
9	Hoàn chỉnh Dự thảo chương trình đào tạo	25/03/2026	Các Khoa	Phòng Đào tạo	Báo cáo kết quả tiếp thu sau Hội thảo; Phiếu yêu cầu thẩm định, danh sách CSV, GT-TL, GV
10	Tham mưu thành lập HĐ thẩm định CTĐT (sửa đổi, cập nhật, bổ sung)	15/4/2026	Phòng Đào tạo	Các Khoa	- Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu; - Kế hoạch thẩm định; Giấy mời
11	Tổ chức nghiệm thu cấp trường	25/4/2026	HĐ nghiệm thu	Các Khoa; P.ĐT; P. HC-QT	- Báo cáo trình bày tại Hội nghị thẩm định - Biên bản;

T T	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Minh chứng
					- Phiếu thẩm định
12	Tham mưu ban hành các quyết định CTĐT	10/5/2026	Phòng Đào tạo	Các Khoa	- Báo cáo kết quả sửa đổi, bổ sung sau thẩm định - Tờ trình - Quyết định ban hành
13	Báo cáo kết quả cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT	30/5/2026	Phòng Đào tạo	Các Khoa	Báo cáo kết quả

Mẫu 01

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
KHOA...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐX-K...

Sơn La, ngày tháng năm 20...

**ĐỀ XUẤT DANH SÁCH
BAN CHỦ NHIỆM CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT, BỔ SUNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****1. Ngành/Nghề**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong Ban chủ nhiệm
1			Chủ nhiệm
2			Phó chủ nhiệm
3			Thành viên, Thư ký
4			Thành viên
5			Thành viên

2. Ngành/Nghề ...**3. Ngành/Nghề ...****Lưu ý:** Ban chủ nhiệm đảm bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình; có kinh nghiệm ít nhất 03 năm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề tham gia xây dựng chương trình.

- Có đại diện người lao động/người sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành, nghề.

Sơn La, ngày tháng năm 20...

TRƯỞNG KHOA

Phụ lục 01A: Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

TRÌNH ĐỘ:

NGÀNH/NGHỀ:

MÃ NGÀNH/NGHỀ:

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành (mô tả nghề)

2. Yêu cầu chung của ngành/ngành

a) Yêu cầu về kiến thức

b) Yêu cầu về kỹ năng

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
I	Năng lực cơ bản (chung)		
1	NLCB-01		
2	NLCB-02		
...			
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)		
3	NLCL-01		
4	NLCL-02		
...			
III	Năng lực nâng cao		
5	NLNC-01		
6	NLNC-02		
...			

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ)

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG
NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

TRÌNH ĐỘ:

NGÀNH/NGHỀ:

1. Tên năng lực: **Mã:**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ):

1.1. Yêu cầu kiến thức:

1.2. Yêu cầu kỹ năng:

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2. Tên năng lực: **Mã:**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ):

2.1. Yêu cầu kiến thức:

2.2. Yêu cầu kỹ năng:

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

.....

.....

Bảng 01:

Bảng ương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) và khung
trình độ quốc gia (NQF)

[illegible]

Bảng 02 :

Bảng tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

[illegible]

Bảng 3: Bảng đánh giá mức độ tương hợp

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 20...

BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐỘ TƯƠNG HỢP

I. Ngành, nghề.....Trình độ.....

1. Mô tả công việc, kỹ năng của chuẩn đầu ra ngành, nghề đào tạo

TT	Công việc CĐRNĐT	Kỹ năng cần hình thành CĐRNĐT	Môn học đáp ứng	Ghi chú
1	Công việc chung	- Hoạt động nhóm		
		- Quản lý, điều hành		
		- Tin học		
		- Ngoại ngữ		
				
2		-		
		-		
		-		

2. Đánh giá độ tương hợp

- Tỷ lệ công việc được mô tả trong chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo được đáp ứng: %
- Tỷ lệ kỹ năng cần hình thành cho người học được đáp ứng: %
- Các công việc chưa được đáp ứng:
- Các kỹ năng chưa được đáp ứng:
- Các môn học không tương thích:

Lưu ý:

- CĐRNĐT: Chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo;
- Trong một công việc mà ngành nghề đó đào tạo ra có thể có nhiều kỹ năng, các kỹ năng chung như hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, CNTT... liệt kê vào công việc chung;
- Mỗi kỹ năng có thể có nhiều môn học hướng vào hình thành lên kỹ năng đó.
- Mỗi ngành, nghề lập một bảng riêng.

Phụ lục 01B: Chuẩn đầu ra môn học, mô đun

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 20...

CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC, MÔ ĐUN

NGÀNH, NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

I. Môn học/Mô đun 1:.....**1. Mục tiêu chung của môn học, mô đun**

- Môn học, mô đun cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng gì.

2. Chuẩn đầu ra của môn học, mô đun

- Để hoàn thành môn học, mô đun người học phải được chuẩn kiến thức, kỹ năng gì.

3. Các yêu cầu đánh giá

- Để đạt được chuẩn đầu ra môn học, mô đun người học cần chứng minh/thể hiện được khả năng

4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra môn học, mô đun của người học

Chuẩn đầu ra	Hình thức đánh giá	Hình thức kiểm tra, thi	Thời điểm

5. Ngân hàng câu hỏi, tình huống phục vụ đánh giá

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo các mức độ Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích phù hợp với các yêu cầu của chuẩn đầu ra ở mục 2.

6. Đề kiểm tra, đề thi

Tùy từng môn học, mô đun sẽ có số bài kiểm tra tương ứng và bài thi kết thúc môn học, mô đun.

7. Ngưỡng đánh giá người học

- Tương ứng với điểm số theo thang điểm 10 được quy đổi qua điểm chữ thang điểm 4.

8. Kết quả đánh giá môn học**II. Môn học, mô đun 2:.....**

(Trình tự như đối với môn học, mô đun thứ nhất)

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người xây dựng

Phụ lục 02A: Chương trình đào tạo(trình độ trung cấp)
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐSL, ngày tháng năm ...
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

Ngành, nghề:

Mã ngành, nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh:

Thời gian khóa học: (năm học)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: (giờ/tín chỉ)

- Số lượng môn học, mô đun:

- Khối lượng học tập các môn học chung: (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: (giờ); thực hành, thực tập: (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	
2	NLCB-02	
...		
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
3	NLCL-01	
4	NLCL-02	
...		
III	Năng lực nâng cao	
5	NLNC-01	
6	NLNC-02	
...		

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo	Thi/ Kiểm tra

					luận	
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	GDQP&AN	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
MH 07	Kỹ năng mềm	2	30	26	0	4
MH 08	Khởi sự kinh doanh	2	30	26	0	4
...						
...						
...						
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
.....						
.....						
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
.....						
.....						
Tổng cộng						

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể:

+ Môn Giáo dục Quốc phòng và an ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành

chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐT BXH ngày 6/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao: Các khoa, bộ môn, CVHT/GVCN hướng dẫn HSSV chọn môn học, mô đun tự chọn, nâng cao phù hợp với bản thân đảm bảo đủ số tín chỉ tối thiểu quy định trong chương trình.

- Chọn môn học đào tạo tại doanh nghiệp: Được cụ thể trong chương trình đào tạo trên cơ sở Biên bản/Hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan đơn vị sử dụng lao động; tỷ lệ khoảng 30% thời lượng của chương trình đào tạo bao gồm các môn học có nội dung thực hành, thực tập trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng khi thực hiện đào tạo tại doanh nghiệp, gồm các môn học, mô đun sau:.....

- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình.

- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan sử, đơn vị dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới; qua hoạt động rèn kỹ năng nghề nghiệp.

7.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các môn học đào tạo trực tuyến được lựa chọn đảm bảo tối thiểu 30% thời lượng của chương trình đào tạo, các môn học chủ đạo về nội dung lý thuyết, ít thực hành hoặc thực hành có thể mô tả, trình giảng, trình chiếu,... gồm các môn học, mô đun sau:.....

7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Bố trí cho HSSV tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp.

- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm.

- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;

- Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

- Nội dung lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên: Bổ trợ kiến thức, kỹ năng bao gồm: Kỹ năng số; kỹ năng tìm việc; kỹ năng giao tiếp; kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường;các khóa học được thiết kế phù hợp, đồng bộ cho ngành, nghề đào tạo, được cụ thể trong kế hoạch đào tạo toàn khóa và năm học.

7.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

* Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

* Thi kết thúc môn học, mô - đun

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

- Hướng dẫn thực hiện khóa luận/đồ án tốt nghiệp: Đồ án/khóa luận tốt nghiệp: HSSV đủ điều kiện thực hiện Đồ án/khóa luận tốt nghiệp có thể lựa chọn thay thế cho các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp tối đa 5 tín chỉ (tiêu chuẩn HSSV, nhà giáo hướng dẫn, giao đề tài, chấm, bảo vệ được quy định cụ thể trong Quy chế/Quy định về thực hiện đồ án/khóa luận tốt nghiệp của nhà trường). (chỉ áp dụng với CTĐT có đồ án).

7.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.
- Hoàn thành/có chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong CTĐT

Ngành đào tạo:; **Trình độ:** Trung cấp

Mã ngành:

Học kỳ 1 ... (...;...)	Học kỳ 2 ... (...;...)	Học kỳ 3 ... (...;...)	Học kỳ 4 ... (...;...)
Pháp luật 1(1,0)	Giáo dục QP- AN 2(1,1)		
Giáo dục thể chất 1(0,1)	Ngoại ngữ 3(0,3)		
Chính trị 2(2,0)			
Tin học 2(1,1)			Thực tập tốt nghiệp 6(0:6)
Kỹ năng mềm 2(2,0)			

Phụ lục 02B: Chương trình đào tạo (trình độ cao đẳng)**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐSL, ngày tháng năm ...
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Ngành, nghề:

Mã ngành, nghề:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh:

Thời gian khóa học: (năm học)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: (giờ/tín chỉ)

- Số lượng môn học, mô đun:

- Khối lượng học tập các môn học chung: (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: (giờ); thực hành, thực tập: (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	
2	NLCB-02	
...		
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
3	NLCL-01	
4	NLCL-02	
...		
III	Năng lực nâng cao	
5	NLNC-01	
6	NLNC-02	
...		

6. Nội dung chương trình

Mã	Tên môn học, mô đun	Số	Thời gian học tập (giờ)
----	---------------------	----	-------------------------

MH, MĐ		tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra ²
I	Các môn học chung	19	435	136	278	21
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	15	58	2
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
MH 07	Kỹ năng mềm	2	30	26	0	4
MH 08	Khởi sự kinh doanh	2	30	26	0	4
...						
...						
...						
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
.....						
.....						
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
.....						
.....						
II. 4	Thực tập tốt nghiệp	6	270			
Tổng cộng						

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể:

² Lưu ý: Thời gian kiểm tra, thi lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra, thi thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

+ Môn Giáo dục Quốc phòng và an ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐT BXH ngày 6/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Môn Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao: Các khoa, bộ môn, CVHT/GVCN hướng dẫn HSSV chọn môn học, mô đun tự chọn, nâng cao phù hợp với bản thân đảm bảo đủ số tín chỉ tối thiểu quy định trong chương trình.

- Chọn môn học đào tạo tại doanh nghiệp: Được cụ thể trong chương trình đào tạo trên cơ sở Biên bản/Hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan đơn vị sử dụng lao động; tỷ lệ khoảng 30% thời lượng của chương trình đào tạo bao gồm các môn học có nội dung thực hành, thực tập trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng khi thực hiện đào tạo tại doanh nghiệp, gồm các môn học, mô đun sau:.....

- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình³.

- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

³ Có bảng sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong CTĐT kèm theo

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan sử, đơn vị dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã,...tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới; qua hoạt động rèn kỹ năng nghề nghiệp.

7.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các môn học đào tạo trực tuyến được lựa chọn đảm bảo tối thiểu 30% thời lượng của chương trình đào tạo, các môn học chủ đạo về nội dung lý thuyết, ít thực hành hoặc thực hành có thể mô tả, trình giảng, trình chiếu,... gồm các môn học, mô đun sau:.....

7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Bố trí cho HSSV tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp.

- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm.

- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

- Nội dung lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên:

7.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

* Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;0

- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức

trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

- Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của trường.

- * Thi kết thúc môn học, mô - đun

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin được trường quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

- Hướng dẫn thực hiện khóa luận/đồ án tốt nghiệp: Đồ án/khóa luận tốt nghiệp: HSSV đủ điều kiện thực hiện Đồ án/khóa luận tốt nghiệp có thể lựa chọn thay thế cho các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp tối đa 5 tín chỉ (tiêu chuẩn HSSV, nhà giáo hướng dẫn, giao đề tài, chấm, bảo vệ được quy định cụ thể trong Quy chế/Quy định về thực hiện đồ án/khóa luận tốt nghiệp của nhà trường). (chỉ áp dụng với CTĐT có đồ án).

7.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

- Hoàn thành/có chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong CTĐT

Ngành đào tạo:; Trình độ: Cao đẳng

Mã ngành:

Học kỳ 1 ... (...;...)	Học kỳ 2 ... (...;...)	Học kỳ 3 ... (...;...)	Học kỳ 4 ... (...;...)	Học kỳ 5 ... (...;...)	Học kỳ 6 ... (...;...)
Tiếng Anh 6 (3,3)	GD chính trị 4 (3,1)				
GD thể chất 2 (0,2)	Khởi sự KD 2 (1,1)				
Tin học 3 (1,2)	Pháp luật 2 (1,1)				
GDQP – An ninh 4 (3,1)					
Kỹ năng mềm 2 (2,0)					TT tốt nghiệp 6 (0,6)

Bảng 4: Xác định CTĐT đáp ứng CĐR

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo (PEOs)			Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5			PLOn
Kiến thức	Kiến thức chung		X							
	Kiến thức cơ sở ngành			X						
	Kiến thức chuyên môn				X					
	Kiến thức tự chọn, nâng cao								X	
Kỹ năng	Chuyên ngành	...				X				
							X			
		...								
	Mềm	..								
		...								
Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm										X

Bảng 5: Đáp ứng giữa các môn học/học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã MH/ MĐ	Tên MH/ MĐ	Số TC	Mức độ đóng góp vào Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)						Tổng
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4		PLOn	
	Khởi kiến thức, kỹ năng chung									
	...			I						
	...				R, M					1R+1M
	...						M			1M
	Khởi kiến thức, kỹ năng cơ sở									
	...				I					
	...					M				
	Khởi kiến thức, kỹ năng chuyên môn									
	...			M						
	...						A			
	Khởi kiến thức, kỹ năng tự chọn, nâng cao									
	Tổng			1I+1M	2I+1R+1M	...	...			

Ghi chú: Mức I (Introduced): Cấp độ *Giới thiệu*; Mức R (Reinforced): Cấp độ *Củng cố*; Mức M (Mastery): Cấp độ *Thành thạo*; Mức A (Assessed): Thể hiện học phần cốt lõi hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO

Bảng 6: Đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của các bài học (LLOs) và chuẩn đầu ra của môn học/học phần.

TT	Tên MH/MD	Tên bài/chương	Mức độ đóng góp vào Chuẩn đầu ra môn học/học phần (CLOs)					
			CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	...	CLOn
		Khối kiến thức, kỹ năng chung						
	MH 1	Bài/Chương	I					
		...		R				
	MH 2	Bài/Chương			I			
		...				M		
	MH 3	Bài/Chương						
		Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở						
	...		R					
				M		I		
		Khối kiến thức, kỹ năng chuyên môn						
	MH	Bài 1						
		...	I			R		
		Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn, nâng cao						
	...	...			M			

Ghi chú: Mức I (Introduced): Cấp độ *Giới thiệu*; Mức R (Reinforced): Cấp độ *Củng cố*; Mức M (Mastery): Cấp độ *Thành thạo*; Mức A (Assessed): Thể hiện học phần cốt lõi hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO

Bảng 07: Bảng danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo**Tên ngành, nghề:.....**

TT	Mã công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề		
			Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng
	A	Công việc thứ nhất			
1	A1				
2	A2				
...	...				
	B	Công việc thứ 2			
4	B1				
5	B2				
...	..				
	O	Công việc thứ n			
6	O1				
7	O2	.			
...	...				

Căn cứ vào chuẩn đầu ra của từng ngành/ngành đã được xác định ở Bước 1, cần xác định công việc cần thực hiện để đạt được kiến thức, kỹ năng ứng với từng trình độ kỹ năng nghề.

Bảng 08: Bảng danh mục mối liên hệ giữa các môn học/mô đun đào tạo bắt buộc cho nghề với các nhiệm vụ và công việc

Tên nghề:.....

MÃ MÔN HỌC/MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC/MÔĐUN	MÃ CÁC NHIỆM VỤ VÀ CÔNG VIỆC CÓ LIÊN QUAN (THEO SƠ ĐỒ PHÂN TÍCH NGHỀ)
MH 07		
MH 08		
MH 09		
...		

Phụ lục 03: Chương trình môn học/mô đun
CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học:

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: giờ; (*Lý thuyết: giờ; Thực hành, tích hợp, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: giờ; Thi/Kiểm tra.....giờ*)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí:

- Tính chất:

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

- Về kỹ năng:

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
1	Chương 1: 1. Tên mục:..... 1.1. Tên tiểu mục:....				
2	Chương 2: 1. Tên mục:..... 1.1. Tên tiểu mục:....				
n	Chương n:				
	Cộng				

2. Nội dung chi tiết

Chương 1

Thời gian:....giờ

1. Mục tiêu

2. Nội dung

2.1. Tên mục

2.1.1. Tên tiểu mục

Chương 2

Thời gian:....giờ

1. Mục tiêu

2. Nội dung

2.1. Tên mục

2.1.1. Tên tiểu mục

Chương n

Thời gian:....giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

2. Thiết bị, máy móc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2. Phương pháp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên
- Đối với người học

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun:

Mã mô đun:

Thời gian thực hiện mô đun: giờ; (*Lý thuyết: giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: giờ; kiểm tra:.....giờ*)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí:
- Tính chất:

II. Mục tiêu mô đun

- Kiến thức:
- Kỹ năng:
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: 1. Tên tiêu đề:..... 1.1. Tên tiểu tiêu đề:.....				
2	Bài n: 1. Tên tiêu đề:..... 1.1. Tên tiểu tiêu đề:.....				
	Cộng				

2. Nội dung chi tiết

Bài 1

Thời gian:.....giờ

1. Mục tiêu của bài
2. Nội dung bài
 - 2.1. Tên tiêu đề
 - 2.1.1. Tên tiểu tiêu đề

Bài 2

Thời gian:.....giờ

1. Mục tiêu của bài
2. Nội dung bài
 - 2.1. Tên tiêu đề
 - 2.1.1. Tên tiểu tiêu đề

Bài n

Thời gian:.....giờ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng
2. Thiết bị, máy móc:
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2. Phương pháp đánh giá

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên
- Đối với người học

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)